

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000131 ngày 24 tháng 12 năm 2003 với tên gọi Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đã đổi số đăng ký kinh doanh thành số 0500444772.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ và thay đổi tên công ty. Trong đó giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và trụ sở chính.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 221 6425
- Fax : 0243 221 6423

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi, kính xây dựng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (chi tiết: kinh doanh dịch vụ bất động sản như dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, tư vấn, môi giới, định giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: công nghiệp, công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV)/.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Vũ Trọng Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Đinh Mạnh Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lưu Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Hoàng Văn Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Phùng Minh Bằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phùng Minh Bằng	Trưởng ban	Ngày 14 tháng 8 năm 2018
Bà Ngô Thị Thúy Hương	Thành viên	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Trần Anh Đức	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Bùi Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Vũ Tuấn Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Lưu Văn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lê Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2020
Ông Nguyễn Huy Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2018
Ông Đào Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng giám đốc 



Phạm Trường Tam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0323/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày .. tháng 3 năm 2020, từ trang 7 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tình hình tài chính và ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Một số khoản công nợ phải thu khách hàng, nợ phải trả người bán và nhận ủy thác đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan với số tiền tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 178.295.041.988 VND, 168.434.371.098 VND và 3.767.028.002 VND và thời điểm 01 tháng 01 năm 2019 lần lượt là 126.421.793.568 VND, 87.449.403.413 VND và 3.787.028.002 VND (xem thuyết minh V.3, V.12, V.16a).

- Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số V.11 – Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, trong năm 2018 công ty kí hợp đồng chuyển nhượng dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn Thanh Hóa cho Tổng công ty Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP tuy nhiên hợp đồng không ghi rõ danh mục tài sản và khối lượng công việc chuyển nhượng. Công ty đã phản ánh vào kết quả kinh doanh năm 2018 theo giá trị thanh toán chuyển nhượng mặc dù hai bên chưa thực hiện nghiệm thu khối lượng thực hiện của hợp đồng và các tài sản bàn giao. Nếu không ghi nhận khoản chuyển nhượng này “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 năm 2019 sẽ giảm/tăng cùng số tiền 34.602.372.895 VND và số dư “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bản cân đối Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ tăng 34.602.372.895 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.11 về Dự án Khu dân cư Vĩnh Thanh, Nhơn Trạch, Đồng Nai được phản ánh trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 20.898.229.995 VND. Dự án đang bị chậm triển khai do thiếu vốn. Việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt là 20.648.088.114 VND và 30.586.599.547 VND, Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 31.379.117.105 VND, ngoài ra khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 99.571.499.679 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.692.961.481	428.159.269.232
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.260.309.237	7.222.500.196
1. Tiền	111		4.260.309.237	1.104.711.741
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.117.788.455
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.462.288.390	27.869.434.290
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.449.268.981	3.469.268.981
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.986.980.591)	(2.019.834.691)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	26.420.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.615.301.866	275.583.622.133
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	277.322.229.643	277.026.380.995
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.842.771.545	8.865.861.770
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	12.832.475.659	13.488.711.431
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(29.382.174.981)	(23.797.332.063)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	94.588.634.763	109.161.168.989
1. Hàng tồn kho	141		100.490.093.420	115.062.627.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.901.458.657)	(5.901.458.657)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.766.427.225	8.322.543.624
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.748.338.046	3.516.038.488
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.089.179	4.806.505.136
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.105.316.343	111.236.760.881
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.555.796.248	27.184.306.212
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	25.548.559.574	27.148.122.874
<i>Nguyên giá</i>	222		37.677.482.094	37.677.482.094
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12.128.922.520)	(10.529.359.220)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.236.674	36.183.338
<i>Nguyên giá</i>	228		156.840.000	156.840.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(149.603.326)	(120.656.662)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	23.861.579.514	42.167.836.965
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		20.898.229.995	20.898.229.995
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.963.349.519	21.269.606.970
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.687.940.581	18.687.940.581
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	13.507.940.581	13.507.940.581
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2c	11.180.000.000	11.180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	23.196.677.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	23.196.677.123
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		439.798.277.824	539.396.030.113

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		392.342.549.595	460.561.184.779
I. Nợ ngắn hạn	310		392.341.049.595	458.745.868.779
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	241.339.721.120	251.958.868.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	8.186.799.376	43.554.518.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	18.347.221.305	16.952.562.398
4. Phải trả người lao động	314		2.563.771.165	3.285.993.526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	22.744.031.819	9.246.208.552
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		244.544.303	250.378.255
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	22.067.533.389	22.646.154.847
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	75.528.593.299	109.351.750.736
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.318.833.819	1.499.433.819
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.500.000	1.815.316.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.500.000	1.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	-	1.813.816.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.455.728.229	78.834.845.334
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	47.455.728.229	78.834.845.334
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.412.622.500	25.412.622.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		213.538.854	213.538.854
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.256.346.554	10.256.346.554
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(99.571.499.679)	(68.192.382.574)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(68.192.382.574)	(68.192.382.574)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(31.379.117.105)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		439.798.277.824	539.396.030.113

Người lập biểu

Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn



Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc

Phạm Trường Tam

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	153.545.608.558	320.901.138.150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	252.282.985	7.824.122.402
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		153.293.325.573	313.077.015.748
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	165.467.443.034	297.413.356.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(12.174.117.461)	15.663.659.342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.420.901.513	1.764.984.127
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9.259.287.386	13.524.273.684
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.237.531.704	13.387.394.831
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	289.818.373	1.110.523.115
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.995.556.391	13.241.723.269
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.297.878.098)	(10.447.876.599)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	48.060.626	576.917.851
13. Chi phí khác	32	VI.9	129.299.633	107.264.856
14. Lợi nhuận khác	40		(81.239.007)	469.652.995
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(31.379.117.105)	(9.978.223.604)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(31.379.117.105)</u>	<u>(9.978.223.604)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(31.379.117.105)</u>	<u>(9.978.223.604)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(2.823)</u>	<u>(898)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>(2.823)</u>	<u>(898)</u>

Người lập biểu

Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Phạm Trường Tam

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(31.379.117.105)	(9.978.223.604)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	1.628.509.964	1.830.619.972
- Các khoản dự phòng	03		5.551.988.818	3.199.290.188
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	23.889.423	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.785.777.037)	(2.304.594.149)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.237.531.704	13.387.394.831
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(17.722.974.233)	6.134.487.238
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.478.150.757	43.042.316.734
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.572.534.226	22.269.312.258
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(32.423.877.036)	(34.067.308.438)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		23.964.377.565	5.314.291.793
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		20.000.000	150.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(9.237.531.704)	(13.387.394.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(180.600.000)	(149.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.470.079.575	29.306.594.754
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4.335.407.399)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	36.948.427.440
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.420.000.000	(37.600.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.879.799.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	2.785.777.037	1.731.525.821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		29.205.777.037	(375.655.138)

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	97.366.192.358	181.302.117.095		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(133.003.165.795)	(244.842.128.474)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(35.636.973.437)</i>	<i>(63.540.011.379)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.961.116.825)	(34.609.071.763)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.222.500.196	41.831.571.959		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.074.134)	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.260.309.237	7.222.500.196		

Người lập biểu

Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Phạm Trường Tam

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và thương mại dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác cát, đá sỏi, đất sét; xây dựng nhà các loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp trong xây dựng; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khí công nghiệp, khí gas); sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thông tin về Công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Khoáng sản Sotraco có trụ sở chính tại số nhà B28, TT12 khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác và khai khoáng khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

Trong năm 2019, công ty con không thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty con đang bị Chi cục Thuế quận Hà Đông áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do có số tiền quá hạn nộp theo Thông báo số 25833/QĐ-CCT-QLN ngày 27 tháng 10 năm 2017.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 52 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 97 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.
- Đối với trái phiếu Chính phủ: giá trái phiếu bình quân các mức giá được nhà tạo lập thị trường cam kết chào giá chắc chắn trong phiên chào giá theo quy định tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán; các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế nếu có. Trường hợp không có mức giá chào cam kết chắc chắn, giá trái phiếu là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp: giá trái phiếu đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí Ban quản lý dự án chưa phân bổ vào công trình. Các chi phí này được phân bổ khi ghi nhận doanh thu của các công trình.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	793.414.744	493.646.189
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.466.894.493	611.065.552
Các khoản tương đương tiền	-	6.117.788.455
Cộng	4.260.309.237	7.222.500.196

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (HOM)	1.565.530.000	342.000.000 (1.986.980.591)	1.565.530.000	332.500.000 (1.233.030.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (SCC)	770.500.000	141.240.000 (1.223.530.000)	770.500.000	35.310.000 (735.190.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (PCT)	1.032.200.000	898.014.000 (629.260.000)	1.032.200.000	980.590.000 (51.610.000)
Cổ phiếu khác	81.038.981	183.913.400 (134.186.000)	101.038.981	159.614.290 (4.691)
Cộng	3.449.268.981	1.565.167.400 (1.986.980.591)	3.469.268.981	1.508.014.290 (2.019.834.691)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh: do bán cổ phiếu đã đầu tư

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.019.834.691	1.933.943.391
Trích lập dự phòng bổ sung	82.576.000	165.846.010
Hoàn nhập dự phòng	(115.430.100)	(79.954.710)
Số cuối năm	1.986.980.591	2.019.834.691

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkĐrinh	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrthi	7.207.940.581	-	7.207.940.581	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí	1.500.000.000	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(1.500.000.000)
Cộng	13.507.940.581	(6.000.000.000)	13.507.940.581	(6.000.000.000)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm, dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không biến động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Là trái phiếu mua của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thời hạn 84 tháng và 120 tháng kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giá trị lần lượt là 6.710.000.000 VND và 4.470.000.000 VND, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn Ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi + 1% (một phần trăm)/năm, trả lãi sau khi đáo hạn.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban điều hành Liên danh PK2 Dự án Xây dựng Quốc lộ 3 mới	19.799.298.937	19.799.298.937
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	17.994.658.033	17.994.658.033
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Hà Nội	36.626.935.480	36.626.935.480
BĐH dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	30.538.353.934	39.425.627.431
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	26.975.443.233	26.975.443.233
Ban điều hành các Dự án của PVC tại phía Nam	25.416.037.039	20.655.273.451
Phải thu các khách hàng khác	119.971.502.987	115.549.144.430
Cộng	277.322.229.643	277.026.380.995

Trong đó, công nợ phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 178.295.041.988 VND và 126.421.793.568 VND.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long	1.307.486.248	1.307.486.248
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Cường	1.650.000.000	1.650.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.885.285.297	4.908.375.522
Cộng	7.842.771.545	8.865.861.770

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.619.375.466	(4.650.804.148)	10.712.321.382	(2.430.157.835)
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	-	-	600.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	4.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Long Thành	500.000.000	(350.000.000)	500.000.000	(250.000.000)
Các cá nhân khác	1.713.100.193	(1.614.275.090)	1.671.590.049	(1.600.829.857)
Cộng	12.832.475.659	(6.615.079.238)	13.488.711.431	(4.280.987.692)

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi					
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí	5.323.419.476	-	5.323.419.476	-	5.323.419.476	-	5.323.419.476	-	5.323.419.476
Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN	1.649.863.857	-	1.649.863.857	-	1.649.863.857	-	1.649.863.857	-	1.649.863.857
Công ty TNHH Hưng Phát	1.259.196.466	-	1.259.196.466	-	1.259.196.466	-	1.259.196.466	-	1.259.196.466
Công ty Xây lắp và Sản xuất Vật liệu Xây dựng số 1 Sico	2.321.960.636	-	2.321.960.636	-	2.321.960.636	-	2.321.960.636	-	2.321.960.636
Chi nhánh Công ty Sông Đà 4.10	1.850.340.014	-	1.850.340.014	-	1.850.340.014	553.286.200	1.297.053.814	-	1.297.053.814
Công ty Cổ phần Hàng Kênh	2.934.075.957	-	2.934.075.957	-	2.934.075.957	500.000.000	2.434.075.957	-	2.434.075.957
Các đối tượng khác	14.184.504.599	3.635.120.547	10.549.384.052	2.525.399.344	7.988.659.909	-	5.463.260.565	-	5.463.260.565
Ông Lê Văn Cường	389.861.368	-	389.861.368	-	397.861.368	-	397.861.368	-	397.861.368
Ông Đào Xuân Dương	162.980.578	-	162.980.578	-	162.980.578	-	162.980.578	-	162.980.578
Ông Nguyễn Thế Lanh	864.586.490	-	864.586.490	-	872.586.490	-	872.586.490	-	872.586.490
Ông Phan Văn Mạnh	357.522.291	-	357.522.291	-	357.522.291	-	357.522.291	-	357.522.291
Ông Nguyễn Kiến Thiết	133.245.950	-	133.245.950	-	133.245.950	-	133.245.950	-	133.245.950
Ông Phùng Xuân Nam	880.461.637	-	880.461.637	-	880.461.637	-	880.461.637	-	880.461.637
Các cá nhân khác	6.952.451.042	3.458.516.518	3.493.934.524	638.121.324	1.881.964.302	-	1.243.842.978	-	1.243.842.978
Cộng	36.475.812.047	7.093.637.065	29.382.174.981	28.014.138.931	28.014.138.931	4.203.240.228	23.797.332.063	4.203.240.228	23.797.332.063
Trong đó:									
Phải thu khách hàng:	26.252.216.291	3.485.120.548	22.767.095.743	3.328.685.544	22.845.029.915	-	19.516.344.371	-	19.516.344.371
Phải thu khác	2.746.371.375	782.096.285	1.964.275.090	295.541.518	2.146.371.375	-	1.850.829.857	-	1.850.829.857
Tạm ứng	8.081.995.755	3.431.191.607	4.650.804.148	592.579.806	3.022.737.641	-	2.430.157.835	-	2.430.157.835

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.797.332.063	20.683.933.175
Trích lập dự phòng bổ sung	5.589.614.292	3.119.027.529
Hoàn nhập dự phòng	(4.771.374)	(5.628.641)
Số cuối năm	<u>29.382.174.981</u>	<u>23.797.332.063</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.074.597.327	-	2.144.234.194	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	91.792.334.029	(2.236.069.194)	107.531.300.582	(2.236.069.194)
Công trình nhiệt điện Thái Bình 2	37.844.277.668	-	57.928.417.786	-
Công trình Sông Hậu	13.342.171.103	-	13.911.450.520	-
Hàng hóa	7.623.162.064	(3.665.389.463)	5.387.092.870	(3.665.389.463)
Cộng	<u>100.490.093.420</u>	<u>(5.901.458.657)</u>	<u>115.062.627.646</u>	<u>(5.901.458.657)</u>

Trong năm, dự phòng giảm giá hàng tồn kho không biến động.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dự án nhiệt điện Thái Bình 2	2.748.338.046	3.366.485.600
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	149.552.888
Cộng	<u>2.748.338.046</u>	<u>3.516.038.488</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.832.285.481	6.322.826.813	3.297.358.436	225.011.364	37.677.482.094
Số cuối năm	<u>27.832.285.481</u>	<u>6.322.826.813</u>	<u>3.297.358.436</u>	<u>225.011.364</u>	<u>37.677.482.094</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	261.310.218	2.268.876.618	225.011.364	2.755.198.200
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.895.346.184	3.794.629.427	2.633.130.586	206.253.023	10.529.359.220
Khấu hao trong năm	839.136.468	613.108.267	128.560.224	18.758.341	1.599.563.300
Số cuối năm	<u>4.734.482.652</u>	<u>4.407.737.694</u>	<u>2.761.690.810</u>	<u>225.011.364</u>	<u>12.128.922.520</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.936.939.297	2.528.197.386	664.227.850	18.758.341	27.148.122.874
Số cuối năm	<u>23.097.802.829</u>	<u>1.915.089.119</u>	<u>535.667.626</u>	-	<u>25.548.559.574</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 24.069.162.885 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây.

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình, phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	156.840.000	120.656.662	36.183.338
Khấu hao trong năm	-	28.946.664	(28.946.664)
Số cuối năm	<u>156.840.000</u>	<u>149.603.326</u>	<u>7.236.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	500.000.000	-	-	500.000.000
Văn phòng 281 Tôn Đức Thắng, Hà Nội	500.000.000	-	-	500.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	39.204.487.446	-	(18.306.257.451)	-
Hạ tầng KCN 1 và khu tập kết vật tư phục vụ các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa(*)	18.306.257.451	-	(18.306.257.451)	-
Hạ tầng khu dân cư xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai(**)	20.898.229.995	-	-	20.898.229.995
Cộng	39.704.487.446	-	(18.306.257.451)	21.398.229.995

(*) Chuyển nhượng dự án trong năm cho Tổng công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát – CTCP theo Biên bản thỏa thuận ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Hợp đồng kinh tế ký ngày 25 tháng 5 năm 2018 số tiền chuyển nhượng là 56.980.000.000 VND. Toàn bộ số tiền chuyển nhượng này được Công ty Cổ phần SDP cam kết sử dụng để tất toán các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/2014/178571/HĐTD ngày 28 tháng 11 năm 2014 và thu nợ các khoản vay khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, hoặc dùng làm tài sản đảm bảo tại cùng ngân hàng. Số tiền chuyển nhượng dự án sẽ được thanh toán vào 2 đợt: đợt 1 thanh toán 35.000.000.000 VND sau khi ký biên bản thỏa thuận (đã chuyển tiền vào ngày 22 tháng 8 năm 2018), đợt 2 thanh toán 21.980.000.000 VND trong vòng 90 ngày kể từ ngày chuyển tiền đợt 1.

(**) Dự án đang chậm triển khai do thiếu vốn. Việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sơn dẻo nhiệt Synthetic	12.489.757.948	12.489.757.948
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	32.683.500.972	31.630.530.188
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Seen	30.685.110.925	30.685.110.925
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại - Dịch vụ Tân Vũ	38.957.152.325	26.475.255.629
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	20.626.208.500	24.626.208.500
Công ty TNHH Thương mại Thành An	14.786.726.200	14.786.726.200
Phải trả các nhà cung cấp khác	91.111.264.250	111.265.279.068
Cộng	241.339.721.120	251.958.868.458

Trong đó, công nợ phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 168.434.371.098 VND và 87.449.403.413 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành Nhà máy nhiệt điện Thái Bình	4.996.056.787	7.696.412.419
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới Lắp máy dầu khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	0	32.801.651.937
Các khách hàng khác	2.180.942.589	2.046.653.832
Cộng	<u>8.186.799.376</u>	<u>43.554.518.188</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.391.043.106	(913.806.988)	1.477.236.118
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	248.186.753	(248.186.753)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	131.967.761	(131.967.761)	-
Thuế thu nhập cá nhân	670.253.115	41.917.581	(177.418.971)	534.751.725
Thuế nhà đất	-	10.569.812	(10.569.812)	-
Tiền thuê đất	3.245.699.846	-	-	3.245.699.846
Các loại thuế khác	24.602.839	3.000.000	(3.000.000)	24.602.839
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.012.006.598	52.924.179	-	13.064.930.777
Cộng	<u>16.952.562.398</u>	<u>2.879.609.192</u>	<u>(1.484.950.285)</u>	<u>18.347.221.305</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	20.077.547.788	5.272.359.112
Chi phí các công trình khác	2.580.460.610	3.973.849.440
Các chi phí khác	86.023.421	-
Cộng	<u>22.744.031.819</u>	<u>9.246.208.552</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	76.223.212	86.223.212
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	235.248.491	239.547.360
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.926.231.390	8.926.231.390
Tiền đền bù mỏ đá Hang Làng	4.913.917.000	4.913.917.000
Tiền đặt cọc	432.400.000	444.000.000
Tiền bảo hiểm công trình	500.000.000	700.000.000
Các quỹ tự nguyện	735.334.198	939.958.280
Huy động vốn cá nhân	23.894.497	23.112.283
Cổ tức giữ hộ	1.296.358.808	1.326.839.308
Quỹ công đoàn	74.618.570	9.845.656
Tiền chậm nộp bảo hiểm	50.343.743	19.559.658
Nhận ủy thác đầu tư(*)	3.767.028.002	3.787.028.002
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.035.935.478	1.229.892.698
Cộng	<u>22.067.533.389</u>	<u>22.646.154.847</u>

(*) Khoản nhận ủy thác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 chưa có đối chiếu công nợ.

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	73.814.777.299	105.751.750.736
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	73.814.777.299	105.751.750.736
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	1.713.816.000	3.600.000.000
Cộng	<u>75.528.593.299</u>	<u>109.351.750.736</u>

(1) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 01/2017/178571/HĐTD ngày 18 tháng 8 năm 2017, dư nợ tối đa là 380.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C, lãi suất từ 7,8%/năm đến 8,7%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản thế chấp là xe ô tô 7 chỗ Toyota Fortunner.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	105.751.750.736	97.366.192.358	-	(129.303.165.795)	73.814.777.299
Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000	-	1.713.816.000	(3.600.000.000)	1.713.816.000
Cộng	<u>109.351.750.736</u>	<u>97.366.192.358</u>	<u>1.713.816.000</u>	<u>(129.303.165.795)</u>	<u>75.528.593.299</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây bao gồm 2 hợp đồng:

- Khoản vay theo hợp đồng vay số 03/2014/178571/HĐTD ngày 28 tháng 11 năm 2014 để đầu tư xây dựng hạ tầng 16ha – Khu số 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị phục vụ các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa. Số tiền vay là 34.400.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất bằng lãi suất huy động bình quân VND 12 tháng trả sau cộng (+) phí Ngân hàng 3,5%/năm.

Khoản vay theo hợp đồng vay số 02/2015/178571/HĐTD ngày 23 tháng 10 năm 2015 để đầu tư Văn phòng làm việc mới của Công ty tại tầng 12, toà nhà Licogi 13, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội. Số tiền vay là 17.000.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất bằng lãi suất huy động bình quân VND 12 tháng trả sau cộng (+) tối thiểu 4%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.813.816.000	29.413.816.000
Số tiền vay đã trả	(100.000.000)	(24.000.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.713.816.000)	(3.600.000.000)
Số cuối năm	-	1.813.816.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	965.652.330	-	965.652.330
Quỹ phúc lợi	533.781.489	(180.600.000)	353.181.489
Cộng	1.499.433.819	(180.600.000)	1.318.833.819

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(58.214.158.970)	88.813.068.938
Lợi nhuận năm trước					(9.978.223.604)	(9.978.223.604)
Số dư cuối năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(68.192.382.574)	78.834.845.334
Số dư đầu năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(68.192.382.574)	78.834.845.334
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	(31.379.117.105)	(31.379.117.105)
Số dư cuối năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(99.571.499.679)	47.455.728.229

19b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.114.472	11.114.472
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu phổ thông	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu phổ thông	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.685,95	2.699,65
Euro (EUR)	639,02	59,85

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	19.783.547.818	14.474.113.871
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.263.340.176	1.157.473.894
Doanh thu hoạt động xây dựng	112.302.364.080	270.667.177.490
Doanh thu bán dự án	19.196.356.484	34.602.372.895
Cộng	<u>153.545.608.558</u>	<u>320.901.138.150</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	18.535.661.321	14.223.015.097
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.870.924.381	2.309.031.383
Giá vốn hoạt động xây dựng	126.754.599.881	244.454.139.607
Giá vốn bán dự án	18.306.257.451	34.602.372.895
Giá vốn hoạt động khác	-	1.824.797.424
Cộng	<u>165.467.443.034</u>	<u>297.413.356.406</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.783.519.972	1.354.402.217
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.191.416	3.759.024
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	27.419.424
Cổ tức, lợi nhuận được chia	634.424.000	377.123.604
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	539.125	2.279.858
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	227.000	-
Cộng	<u>3.420.901.513</u>	<u>1.764.984.127</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.237.531.704	13.387.394.831
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	48.777.901
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23.889.423	2.209.652
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(32.854.100)	85.891.300
Chi phí tài chính khác	30.720.359	-
Cộng	<u>9.259.287.386</u>	<u>13.524.273.684</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	79.534.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.818.373	923.841.065
Các chi phí khác	-	107.147.709
Cộng	<u>289.818.373</u>	<u>1.110.523.115</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.353.727.028	4.650.158.234
Chi phí vật liệu quản lý	327.962.758	589.554.124
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	8.742.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.598.573	539.771.627
Thuế, phí và lệ phí	407.651.217	475.699.876
Dự phòng phải thu khó đòi	5.584.842.918	3.113.398.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.888.570	1.516.829.936
Các chi phí khác	1.634.885.327	2.347.568.584
Cộng	<u>12.995.556.391</u>	<u>13.241.723.269</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	573.068.328
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	15.658.981	-
Thu từ lãi nợ quá hạn	32.251.000	-
Thu nhập khác	150.645	3.849.523
Cộng	<u>48.060.626</u>	<u>576.917.851</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	26.287.508	62.692.053
Phạt chậm nộp bảo hiểm	34.843.627	25.479.802
Chi phí khác	68.168.498	19.093.001
Cộng	<u>129.299.633</u>	<u>107.264.856</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(31.379.117.105)	(9.978.223.604)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(31.379.117.105)	(9.978.223.604)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.114.472	11.114.472
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(2.823)</u>	<u>(898)</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.886.629.232	170.281.862.194
Chi phí nhân công	3.452.327.429	20.669.208.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.628.509.964	1.830.619.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.595.552.569	24.732.231.901
Chi phí khác	28.575.358.703	6.330.462.569
Cộng	<u>127.138.377.897</u>	<u>223.844.385.613</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về tiền lương và thù lao	354.142.312	338.700.000
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và thù lao được hưởng	1.280.000.000	1.359.365.217

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam nên Tập đoàn không lập Báo cáo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt là 20.648.088.114 VND và 30.586.599.547 VND, Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 31.379.117.105 VND, ngoài ra khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 99.571.499.679 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, một số nhà cung cấp cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật liệu và hỗ trợ tài chính cho Tập đoàn bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu Tập đoàn hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu và tài sản cố định cho đến khi Tập đoàn có khả năng trả nợ. Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Tổng Giám đốc



Phạm Trường Tam

